



HỘI THẢO

QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

VỀ HÓA CHẤT VÀ KHÁNG SINH SỬ DỤNG TRONG SẢN XUẤT THỦY SẢN

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH DANH MỤC HÓA
CHẤT, KHÁNG SINH CẤM VÀ HẠN CHẾ SỬ DỤNG TRONG
HOẠT ĐỘNG NUÔI VÀ TRONG SẢN PHẨM THỦY SẢN
CỦA VIỆT NAM VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Nha Trang, 27/5/2016

Vi Thế Đăng

Chuyên gia EU-MUTRAP

ĐT: 0912.541.081

Email: fitesvietnam@gmail.com



NỘI DUNG

1. Mở đầu
2. Báo cáo kết quả nghiên cứu về xây dựng và ban hành danh mục hóa chất, kháng sinh cấm và hạn chế sử dụng ở Việt Nam
3. So sánh về xây dựng và ban hành danh mục hóa chất, kháng sinh cấm và hạn chế sử dụng của Việt Nam và thế giới
4. Kết luận và khuyến nghị

1. Mở đầu

1.1. Xuất xứ hoạt động

Dự án EU-MUTRAP hỗ trợ triển khai hoạt động

- “Cập nhật và nâng cấp các quy định SPS về thủy sản có nguồn gốc nuôi trồng từ Việt Nam”
- Mã số: EU-24
- Thời gian thực hiện: Tháng 2 – 5/2016

1.2. Mục tiêu của hoạt động

Hài hòa hóa quy định SPS của Codex, các quốc gia tiên tiến thế giới với Việt Nam về hóa chất, kháng sinh và đưa ra các khuyến nghị

1.3. Giới hạn báo cáo

Báo cáo này tập trung vào:

- i) Nghiên cứu việc xây dựng, ban hành danh mục hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản;
- ii) Nghiên cứu việc xây dựng và ban hành mức dư lượng tối đa cho phép đối với các loại hóa chất, kháng sinh hạn chế sử dụng;
- iii) So sánh 2 danh mục nêu trên của Việt Nam và quy định của thế giới, tìm thấy điểm chung và những khác biệt, từ đó đưa ra các khuyến nghị.

1.4. Người thực hiện

TT	Họ và tên	Xuất xứ	Chức trách trong EU24
1	Nguyễn Tử Cương	Ủy viên thường vụ, Trưởng ban PTTS bền vững, Cán bộ FITES, nguyên cục trưởng NAFIQAVED/ NAFIQAD	Chuyên gia 1 Chủ trì báo cáo 1, 3
2	Vi Thế Đăng	Thư ký ban PTTS bền vững, Giám đốc FITES, nguyên chuyên viên NAFIQAVED/ NAFIQAD	Chuyên gia 2 Chủ trì báo cáo 2
3	Ngô Hồng Phong	NAFIQAD	Cộng tác viên và phản biện các nghiên cứu
4	Trần Duy Minh	NAFIQAD	
5	Nguyễn Tử Tuấn Anh	VinaCERT	
6	Phạm Mỹ Dung	FITES	

2. Báo cáo kết quả nghiên cứu về xây dựng và ban hành danh mục hóa chất (HC), kháng sinh (KS) cấm và hạn chế sử dụng ở Việt Nam

2.1. Những hoạt động đã thực hiện

TT	Hoạt động	Nội dung đã thực hiện
1	Thông tin: -Bộ Y tế -Bộ NN&PTNT -Bộ Công Thương	- Thu thập các văn bản quy định về danh mục HC, KS - Tên các cơ quan nghiên cứu đề xuất danh mục
2	Xử lý thông tin	-So sánh các quy định của các Bộ -So sánh các quy định của Việt Nam với thế giới -Lấy ý kiến chuyên gia -Khuyến nghị

2.2. Phân công quản lý nhà nước về ATTP

a. Giữa các Bộ (điều 62, 63 và 64 của Luật ATTP 2010)

Bộ Y Tế	Bộ NN&PTNT	Bộ Công Thương
Xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch và thực thi quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm phân phối theo lĩnh vực		
1. Phụ gia thực phẩm 2. Phẩm màu 3. Thực phẩm chức năng 4. Nước khoáng thiên nhiên 5. Nước uống đóng chai	Tất cả sản phẩm Nông, Lâm, Thủy sản không thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương	1. Rượu 2. Bia 3. Nước giải khát 4. Sản phẩm dạng bột 5. Sản phẩm sữa 6. Dầu thực vật

Ghi chú: Bộ Y tế có trách nhiệm tham mưu ban hành các chính sách chung về quản lý an toàn thực phẩm

b. Trong Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Tổng cục Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Điều kiện ATTP các cơ sở nuôi trồng thủy sản ✓ Kiểm soát các loại thức ăn thủy sản ✓ Tham mưu ban hành danh mục phẩm xử lý cải tạo môi trường cấm, hạn chế sử dụng và được phép lưu hành
2	Cục Thú y	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kiểm soát toàn bộ thuốc thú y và công tác phòng trị bệnh nông-thủy sản ✓ Kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng, bệnh dịch nông-thủy sản nhập khẩu, sản phẩm động vật nhập khẩu ✓ Tham mưu ban hành danh mục thuốc thú y cấm, hạn chế sử dụng và được phép lưu hành trong NTTS
3	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (NAFIQAD)	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Phụ trách chung về công tác ATTP nông-thủy sản ✓ Lập danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện ATTP theo yêu cầu các thị trường ✓ Kiểm tra cấp GCN ATTP thủy sản xuất khẩu ✓ Tham mưu ban hành danh mục thuốc thú y; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường cấm, hạn chế sử dụng và được phép lưu hành trong NTTS

b. Trong Bộ Nông nghiệp và PTNT (tt)

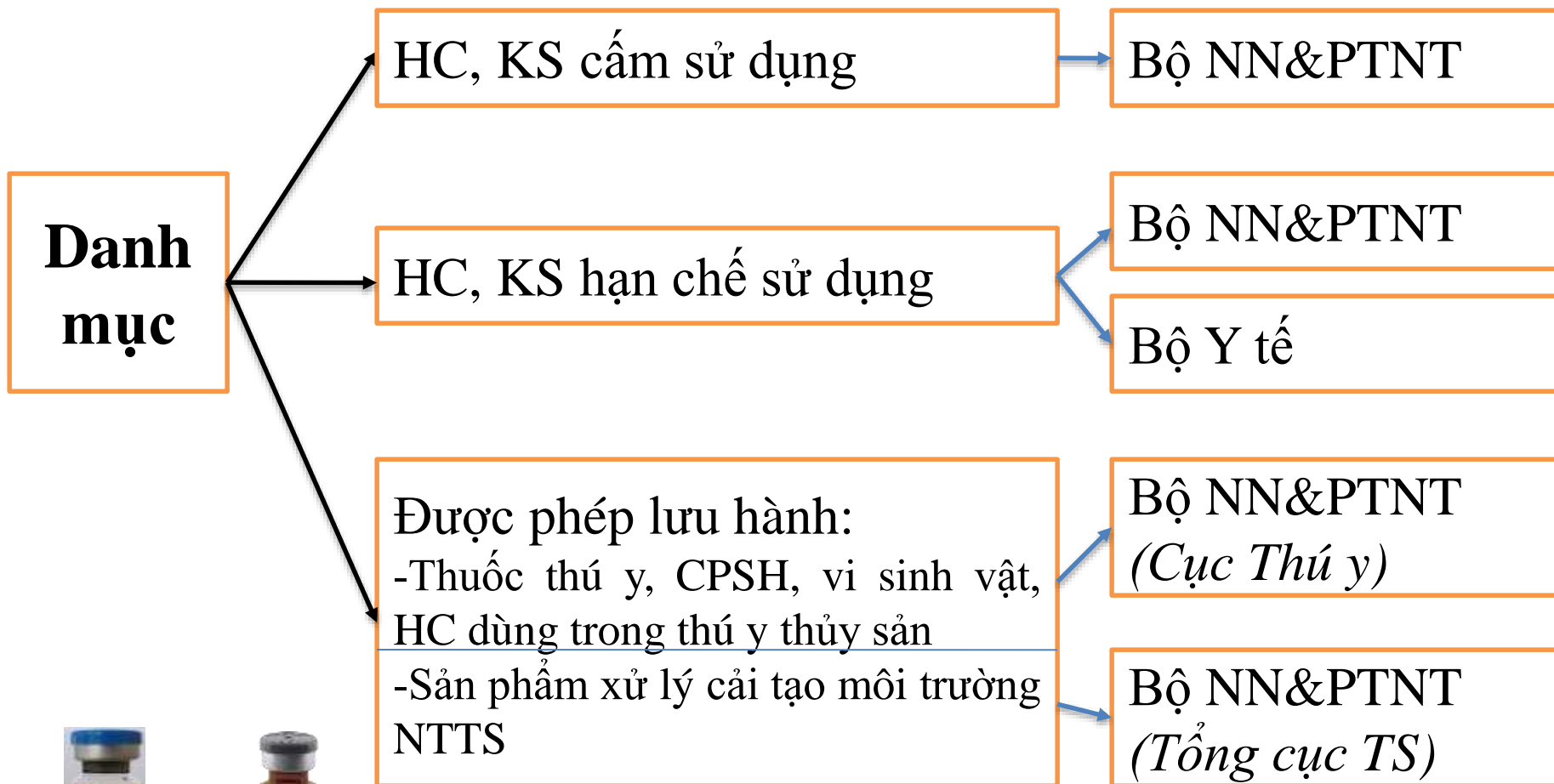
TT	Đơn vị	Nhiệm vụ
4	Cục Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Điều kiện ATTP các cơ sở chăn nuôi (động vật trên cạn) ✓ Kiểm soát các loại thức ăn cho động vật trên cạn ✓ Tham mưu ban hành danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sử dụng trong thức ăn chăn nuôi
5	Cục Trồng trọt	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Điều kiện ATTP các cơ sở trồng trọt (thực vật trên cạn) ✓ Kiểm soát các loại phân bón
6	Cục Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kiểm soát các loại thuốc Bảo vệ thực vật, công tác phòng trị bệnh cho thực vật ✓ Kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng và bệnh dịch các lô hàng xuất nhập khẩu là thực vật ✓ Tham mưu ban hành danh mục thuốc BVTV cấm/ hạn chế và được phép sử dụng trong trồng trọt

Nhận xét:

- Trong Bộ NN&PTNT có nhiều cơ qua quản lý về ATTP: 6 cơ quan
- Trực tiếp quản lý về HC, KS trong nuôi thủy sản: 02 cơ quan

2.2. Phân công về ban hành danh mục thuốc thú y, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường: cấm/ hạn chế sử dụng/ được phép lưu hành

2.2.1. Phân công cơ quan ban hành danh mục



2.2.2. Văn bản về Danh mục HC, KS **cấm và hạn chế** sử dụng

a. Do **BỘ NN&PTNT** ban hành

TT	Ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Cơ quan tham mưu	Ghi chú
1.	15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009	Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng	- Cục Thú y - Tổng cục Thủy sản - NAFIQAD	Thức ăn, thuốc thú y, hoá chất, chất xử lý môi trường, chất tẩy rửa khử trùng, chất bảo quản, kem bôi da tay trong <u>tất cả các khâu sản xuất</u> giống, nuôi trồng động thực vật dưới nước và lưỡng cư, dịch vụ nghề cá và bảo quản, chế biến.
2.	29 /2009/TT-BNNPTNT, ngày 04/6/2009	Bổ sung, sửa đổi TT số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng		
3.	20/2010/TT-BNNPTNT, ngày 02/4/2010	Bộ NN và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng		
4.	03/2012/TT-BNNPTNT, ngày 16/01/2012			
5.	Ngày 25/2/2014, Bộ NN&PTNT ban hành văn bản số 08/VBHN-BNNPTNT, hợp nhất danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng			

b. Do **BỘ Y TẾ** ban hành

TT	Ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Cơ quan tham mưu	Ghi chú
1.	46/2007/QĐ-BYT, 19/2/2007 ngày	Quy định mức giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm	Trong thực phẩm (bao gồm thủy sản)
2.	24/2013/TT-BYT, 14/8/2013	Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm		

2.2.3. Văn bản về Danh mục **được phép lưu hành**

a. Danh mục **THUỐC THÚ Y** được phép lưu hành

TT	Ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1.	25/2012/TT- BNNPTNT, ngày 22/6/2012	Danh mục thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	Cơ quan tham mưu cho Bộ NN & PTNT: Cục Thú y

2.2.3. Văn bản về Danh mục **được phép lưu hành** (tt)
b. Danh mục SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG
NTTS được phép lưu hành

TT	Ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1.	10/2007/QĐ-BTS, ngày 31/7/2007	Danh mục thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường NTTS được phép lưu hành tại Việt Nam	
2.	06/2008/QĐ-BNN, ngày 18/01/2008		Cơ quan tham mưu cho Bộ NN & PTNT: Tổng cục Thủy sản
3.	108/2008/QĐ-BNN, ngày 06/11/2008		
4.	57/2009/TT-BNNPTNT, ngày 08/9/2009	Bổ sung, sửa đổi Danh mục thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường NTTS được phép lưu hành tại Việt Nam	
5.	71/2009/TT-BNNPTNT, ngày 10/11/2009		
6.	12/2010/TT-BNNPTNT, ngày 11/3/2010		
7.	65/2011/TT-BNNPTNT, ngày 5/10/2011		
8.	37/2012/TT-BNNPTNT, ngày 30/7/2012		
9.	39/2013/TT-BNNPTNT, ngày 12/8/2013		

Nhân xét

- 1) Bộ NN&PTNT ban hành 3 danh mục:
 - i. Hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng;
 - ii. Hóa chất, kháng sinh hạn chế sử dụng;
 - iii. Hóa chất, kháng sinh được phép sử dụng.
- 2) Bộ Y tế ban hành 01 danh mục: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm (bao gồm thủy sản).
- 3) Quy định về mức dư lượng HC, KS giữa Bộ Y tế và Bộ NN & PTNT không thống nhất với nhau:

TT	Chỉ tiêu	Bộ Y tế <i>(Mức giới hạn $\mu\text{g}/\text{kg}$-ppm)</i>	Bộ NN & PTNT <i>(Mức giới hạn $\mu\text{g}/\text{kg}$-ppm)</i>
1.	Flumequine	500 thịt cá hồi (thịt bao gồm tỷ lệ bình thường của da)	600 (trong sản xuất kinh doanh TS)
2.	Oxytetracycline	200 (cho thịt tôm hùm)	100 (trong sản xuất kinh doanh thủy sản)

3. So sánh về xây dựng và ban hành danh mục HC, KS cấm và hạn chế sử dụng của Việt Nam và thế giới

3.1. So sánh về phân công nhiệm vụ ban hành danh mục

TT	Danh mục	Cơ quan thẩm quyền ban hành DM HC, KS cấm và hạn chế sử dụng					
		Việt Nam	Codex	EU	Mỹ	Nhật	Hàn Quốc
1	Cấm						
a	Nuôi, dịch vụ, bảo quản, chế biến	Bộ NN & PTNT (MARD)	Không quy định	Tổng vụ bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng	Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA)	Bộ Y tế, lao động và phúc lợi	Bộ thực phẩm và an toàn dược phẩm
2	Hạn chế sử dụng trong (kiểm soát mức dư lượng):						
a	Nuôi, dịch vụ, bảo quản, chế biến	Bộ NN & PTNT (MARD)	-	-	-	-	-
b	Sản phẩm thủy sản	Bộ Y tế (MOH)	Ủy ban Codex	Tổng vụ bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng	Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA)	Bộ Nông, lâm, ngư nghiệp	Cơ quan quốc gia quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản Hàn Quốc (NFQS)
3	Được phép lưu hành	Bộ NN & PTNT (MARD)	-	Tổng vụ bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng	Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA)	Bộ Nông, lâm, ngư nghiệp	Cơ quan quốc gia quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản Hàn Quốc (NFQS)

Nhân xét

TT	Nội dung	Thế giới	Việt Nam
1.	Cơ quan chịu trách nhiệm	-01 cơ quan (EU, Mỹ) -02 cơ quan (Nhật Bản, Hàn Quốc)	02 cơ quan (Bộ Y tế, Bộ NN & PTNT)
2.	Phân công kiểm soát	Cơ quan Y tế: Ban hành danh mục HC, KS cấm	Cơ quan Y tế: Ban hành DM hạn chế sử dụng
		Cơ quan chuyên ngành SX (nông, ngư nghiệp): Chủ trì ban hành danh mục HC, KS được phép sử dụng nhưng có yêu cầu kiểm soát về dư lượng tối đa (MRL); cơ quan y tế phối hợp.	Cơ quan chuyên ngành SX (nông nghiệp): Ban hành 3 danh mục HC, KS cấm/ hạn chế/ được phép
		01 cơ quan tham mưu xây dựng danh mục	-Y tế: 01 cơ quan tham mưu -Nông nghiệp: 3 cơ quan tham mưu

3.2. So sánh về căn cứ để đưa HC, KS vào danh mục cấm

TT	Chỉ tiêu	Thế giới	Việt Nam
1.	Đánh giá nguy cơ	-Đánh giá nguy cơ đối với tất cả các HC, KS - Từ đánh giá nguy cơ xác định dù ở dư lượng nào cũng gây hại -> Danh mục cấm	-Không đánh giá nguy cơ -Sử dụng kết quả trong danh mục chỉ tiêu HC, KS cấm của các nước
2.	Mức giới hạn	MRPL/ không phát hiện/ bằng “0”	Quy định bằng “0”

Nhận xét:

- ✓ Việt Nam sử dụng kết quả của các nước quy định chỉ tiêu đưa vào danh mục HC, KS cấm khi Việt Nam chưa có đánh giá nguy cơ là cần thiết.
- ✓ Việc quy định mức dư lượng giới hạn bằng “0” khi không kèm theo thiết bị và phương pháp phân tích, sẽ là kém minh bạch và khó khăn cho sản xuất



3.3. So sánh số lượng chỉ tiêu HC, KS cấm của Việt Nam và quốc tế

TT	Quốc gia/ tổ chức	Quy định chỉ tiêu HC, KS cấm			Ghi chú
		Tổng số chỉ tiêu HC và KS	Hóa chất	Kháng sinh	
1.	Việt Nam	23	16	7	Tổng số: 43 chỉ tiêu HC và KS cấm. <i>Trong đó:</i> - HC: 25 chỉ tiêu - KS: 18 chỉ tiêu
2.	Codex	0	0	0	
3.	EU	11	7	4	
4.	Mỹ	13	7	6	
5.	Nhật Bản	16	8	8	
6.	Hàn Quốc	18	11	7	

Nhận xét:

- Việt Nam sử dụng kết quả quy định chỉ tiêu đưa vào danh mục HC, KS cấm của các nước mà Việt Nam xuất khẩu TS-> là lý do vì sao Việt Nam có số chỉ tiêu HC, KS cấm là cao nhất so với các nước trên thế giới: 23/43 (chiếm 53%)
- Tiếp đến là Hàn Quốc (18/43 chỉ tiêu, chiếm 42%);
- Nhật Bản (16/43 chỉ tiêu, chiếm 38%)
- Mỹ (13/43 chỉ tiêu, chiếm 30%)
- EU (11/43 chỉ tiêu, chiếm 26%).

3.4. Chi tiết về số lượng các chỉ tiêu HC, KS cấm của Việt Nam và các nước

TT	Nội dung	Các nước/ tổ chức cấm	Số chỉ tiêu cùng công bố	Ghi chú
1.	5 nước/ tổ chức ban hành chỉ tiêu cấm	VN, EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc	3	HC: 1 KS: 2
2.	4 nước/ tổ chức ban hành chỉ tiêu cấm	VN, EU, Mỹ, Hàn Quốc	4	HC: 4
		VN, EU, Nhật, Hàn Quốc		
		VN, Mỹ, Hàn Quốc		
3.	3 nước/ tổ chức ban hành chỉ tiêu cấm	VN, EU, Hàn Quốc	2	HC: 1
		VN, EU, Nhật		KS: 1
4.	2 nước/ tổ chức ban hành chỉ tiêu cấm	<ul style="list-style-type: none"> - VN: 11 chất cấm - EU: 4 chất cấm - Mỹ: 6 chất cấm - Nhật: 0 - Hàn: 0 	11	HC: 6
				KS: 5
5.	1 nước/ tổ chức ban hành chỉ tiêu cấm	<ul style="list-style-type: none"> - VN: 4 chất cấm - Mỹ: 1 chất cấm - Nhật: 9 - Hàn: 9 	23	HC: 13
				KS: 10

Nhân xét

- ✓ Chỉ có 3/43 (7%) HC, KS do tất cả 5 nước nghiên cứu đưa vào danh mục cấm; trong khi đó có 23/43 (53%) HC, KS chỉ có 01 quốc gia đưa vào danh mục cấm.
- ✓ Vấn đề này cho thấy:
 - Các nước cũng không đồng thuận với nhau về 1 HC/ KS có nên cấm hay không
 - CODEX chưa chấp nhận đăng trên website đối với các HC, KS này của các nước khi chưa có sự thống nhất
 - Đây là vấn đề khó khăn rất lớn từ bấy lâu nay đối với các doanh nghiệp của Việt Nam khi xuất khẩu TS
- ✓ Việt Nam cũng đã có văn bản phản hồi đối với một số trường hợp mà các nước đơn phương đưa HC, KS vào danh mục cấm khi chưa có đánh giá nguy cơ được công nhận, và đã có kết quả.

Ví dụ: EU đưa 3MCPD vào danh mục cấm; Nhật Bản đưa Trifuralin vào danh mục cấm; sau khi có phản hồi của Việt Nam và một số quốc gia khác thì EU và Nhật Bản đã đưa 3MCPD và Trifuralin khỏi danh mục cấm và quy định có mức dư lượng tối đa cho phép.

3.5. So sánh về căn cứ để đưa HC, KS vào danh mục được phép sử dụng nhưng quy định mức MRL hay GMP

3.3.1. Căn cứ để đưa HC, KS được phép nhưng có yêu cầu kiểm soát

TT	Chỉ tiêu	Diễn giải
1.	Số liệu khoa học để xác định HC/KS cần kiểm soát	
1.1	Các nước	- Từ đánh giá nguy cơ xác định, chứng minh chỉ tiêu hóa chất/ kháng sinh đó có hại và quy định được MRL/ hoặc biết là có hại nhưng chưa đánh giá nguy cơ thì yêu cầu kiểm soát bằng GMP (Quy phạm sản xuất tốt) - Gửi lên Codex và công bố đến các nước có hàng xuất khẩu vào nước họ (đối với các hóa chất/ kháng sinh đã xác định được MRL)
1.2	Việt Nam	- Chưa thực hiện đánh giá nguy cơ - Có quy định đối với các cơ sở sản xuất hóa chất, kháng sinh phải đạt GMP (có lộ trình)
2.	Căn cứ để thiết lập danh mục	
2.1	Các nước	Từ việc xem xét các sản phẩm cho phép lưu hành đối với thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản, nếu có hóa chất, kháng sinh thì đánh giá nguy cơ, và đưa vào danh mục kiểm soát
2.2	Việt Nam	- Căn cứ quy định của EU và Mỹ (năm 2006) - Căn cứ cảnh báo thêm của các nước và cập nhật vào danh mục

3.3.1. Căn cứ để đưa hóa chất, kháng sinh được phép nhưng có yêu cầu kiểm soát (tt)

TT	Chỉ tiêu	Diễn giải
3.	Thời gian thải loại hóa chất, kháng sinh trong quá trình nuôi	
3.1	Các quốc gia	Khi xem xét về cho phép sản xuất thuốc thú y, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường, cơ sở sản xuất thực hiện khảo nghiệm và đã phải thực hiện và công bố số liệu này, và từng loại có quy định thải loại hết khỏi cơ thể vật nuôi với số ngày đã được xác định
3.2	Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Thông thường các nhà sản xuất ít thực hiện khảo nghiệm/ hoặc thực hiện khảo nghiệm để hợp thức hóa; các nhà sản xuất dựa vào từ điển dược lý (của Pháp, Đức,...)/ hoặc báo cáo Codex để quy định thời gian thải loại của thuốc khỏi vật nuôi.- Tuy nhiên, việc thải loại của thuốc còn dựa vào hàm lượng sử dụng và đường dùng thuốc,... Do đó, việc quy định thời gian thải loại thuốc chưa được chính xác

3.3.1. Căn cứ để đưa hóa chất, kháng sinh được phép nhưng có yêu cầu kiểm soát (tt)

TT	Chỉ tiêu	Diễn giải
4.	Tên gọi và số lượng ban hành danh mục	
4.1	Thế giới	Ban hành 01 danh mục hóa chất, kháng sinh được phép sử dụng nhưng không chế dư lượng tối đa (MRL)
4.2	Việt nam	Ban hành 02 danh mục: - Danh mục hóa chất, kháng sinh hạn chế sử dụng có quy định mức dư lượng tối đa (MRL) trong sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng, bảo quản, chế biến (Bộ NN&PNTN) - Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm (Bộ Y tế)
5.	Phân công cơ quan ban hành danh mục	
5.1	Thế giới	Cơ quan An toàn thực phẩm (Y tế)
5.2	Việt Nam	Hiện nay 2 cơ quan ban hành danh mục: - Cơ quan an toàn thực phẩm (Bộ Y tế) - Bộ NN & PTNT

3.2.2. So sánh các chỉ tiêu HC, KS hạn chế sử dụng (được phép sử dụng nhưng quy định mức dư lượng tối đa) của Việt Nam và thế giới

a. Tổng hợp số lượng chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh hạn chế sử dụng của Việt Nam và các nước

TT	Quốc gia/ tổ chức	Số chỉ tiêu HC, KS hạn chế sử dụng	Ghi chú
1.	Việt Nam	42	Tổng số: 536 chỉ tiêu HC và KS hạn chế sử dụng
2.	Codex	6	
3.	EU	448	
4.	Mỹ	19	
5.	Nhật Bản	49	
6.	Hàn Quốc	54	

Nhận xét:

- Các nước xây dựng danh mục HC, KS được phép sử dụng và mức MRL cần căn cứ vào thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nước có sử dụng các loại hoá chất, kháng sinh nào. Thì tổ chức đánh giá nguy cơ cho những loại đó để xác định MRL. Do đó, EU là tổ chức có quy định tổng số chỉ tiêu cao nhất: 448/536 (83,5%);
- Codex- tổ chức có thẩm quyền quốc tế mà các quốc gia đều phải chấp hành: số lượng các chỉ tiêu quy định thấp nhất so với các nước/ tổ chức: 6/536 (1,2%).

b. Chi tiết các chỉ tiêu HC, KS hạn chế sử dụng/ được phép sử dụng nhưng quy định mức dư lượng tối đa

TT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Số chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	
1.	6 nước/ tổ chức ban hành DM hạn chế	0	0	
2.	5 nước/ tổ chức ban hành DM hạn chế	3	Florfenicol	Quy định về mức giá trị: - VN: 1000 µg/kg - EU: 100 - 2000 µg/kg - Mỹ: 1000 µg/kg - Nhật: 0.1 ppm - Hàn: 100 - 200 µg/kg
			Flumequine	Quy định về mức giá trị: - VN: 500 - 600 µg/kg - Codex: 500 µg/kg - EU: 200 - 1000 µg/kg - Nhật: 0.6 ppm - Hàn: 500 µg/kg
			Oxytetracycline	Quy định về mức giá trị: - VN: 200 µg/kg - EU: 100 - 600 µg/kg - Mỹ: 2 - 12 µg/kg - Nhật: 0.2 ppm - Hàn: 100 µg/kg

b. Chi tiết các chỉ tiêu HC, KS hạn chế sử dụng/ được phép sử dụng nhưng quy định mức dư lượng tối đa

TT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Số chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	
3.	4 nước/ tổ chức ban hành DM hạn chế DM hạn chế	10	Amoxicillin	Quy định về mức giá trị: - VN/ Hàn: 50 µg/kg - EU: 4 -50 µg/kg - Nhật: 0.05ppm
			Ampicillin	Quy định về mức giá trị: - VN/ Hàn: 50 µg/kg - EU: 4 -50 µg/kg - Nhật: 0.05ppm
			Chlortetracycline	Quy định về mức giá trị: - VN: 100 µg/kg - Codex: 200 µg/kg - EU: 100 - 600 µg/kg - Mỹ: 2000 - 12000 µg/kg
			Colistin	- Các nước: µg/kg - Nhật: ppm
			Difloxacin	
			Emamectin	
			Erythromycin	
			Lincomycin	
Neomycin (including framycetin)				
Oxolinic acid				

b. Chi tiết các chỉ tiêu HC, KS hạn chế sử dụng/ được phép sử dụng nhưng quy định mức dư lượng tối đa

TT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Số chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	
4.	3 nước/ tổ chức ban hành DM DM hạn chế	11	Benzylpenicillin Cloxacillin Danofloxacin Dicloxacillin Oxacillin Paromomycin Spectinomycin Sulfonamides (all substances belonging to the sulfonamide group) Tilmicosin Trimethoprim Tylosin	- Các nước: $\mu\text{g/kg}$ - Nhật: ppm
5.	2 nước/ tổ chức ban hành DM DM hạn chế	60	Chi tiết xin xem Phụ lục 4 kèm theo	- Các nước: $\mu\text{g/kg}$ - Nhật: ppm
6.	1 nước/ tổ chức ban hành DM DM hạn chế	453	Chi tiết xin xem Phụ lục 4 kèm theo	- Các nước: $\mu\text{g/kg}$ - Nhật Bản: ppm

Nhân xét

- ✓ Các nước/ tổ chức quốc tế quy định danh mục chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh rất khác nhau:
 - Không có chỉ tiêu nào 6 nước/ tổ chức cùng quy định;
 - Chỉ có 0,6% (3/536) chỉ tiêu 5 nước/ tổ chức đều quy định.
- ✓ Các nước/ tổ chức tự ban hành danh mục mức giới hạn các chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh cấm chiếm tỷ lệ cao nhất (486/536 chiếm 90%).
- ✓ Điều này cho thấy, việc các nước/ tổ chức tự công bố mức giới hạn cho các chỉ tiêu là rất khác nhau và không thống nhất. Codex chưa có quy định cụ thể để thống nhất chung.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Những điểm chung của Việt Nam và thế giới

- Ban hành danh mục HC, KS cấm
- Ban hành danh mục HC, KS có mức dư lượng tối đa cho phép
- Thống nhất phải có đánh giá nguy cơ đối với 01 chỉ tiêu khi đưa vào danh mục cấm/ quy định mức dư lượng tối đa
- Chịu trách nhiệm xem xét và công bố kết quả đánh giá nguy cơ

4.2. Khuyến nghị

4.2.1. Khuyến nghị của Việt Nam đến Tổ chức quốc tế (WHO, FAO)

- Codex cần quy định cụ thể và thống nhất khi 01 nước tự công bố chỉ tiêu HC, KS đưa vào danh mục cấm/ được phép sử dụng nhưng quy định mức giới hạn tối đa cho phép (phải được Codex công nhận hoặc có lộ trình nhất định để các nước phản biện).
- Các nước có quy định khác cần phải có tài liệu, bằng chứng đánh giá nguy cơ và được WHO/ FAO công nhận. Đồng thời, phải tuân thủ các quy định về SPS (như lấy ý kiến góp ý chính thức bằng văn bản của các nước/ tổ chức quốc tế) về chỉ tiêu, mức giới hạn cho chỉ tiêu khác với công bố của WHO/ FAO.
- Codex định kỳ đăng tải trên website danh mục hóa chất, kháng sinh cấm/ danh mục được phép sử dụng nhưng quy định mức giới hạn tối đa cho phép.

4.2.2. Khuyến nghị đối với cơ quan thẩm quyền của Việt Nam

- a. Về ban hành danh mục hóa chất, kháng sinh cấm: Khi chưa có điều kiện đánh giá nguy cơ đối với HC, KS trong SX, KD thủy sản, Việt Nam nên dựa vào danh mục hóa chất, kháng sinh cấm của EU, Mỹ, Nhật Bản để quy định, vì các tổ chức/ quốc gia này đã đánh giá nguy cơ và được CODEX đăng tải lên Website của tổ chức này.
- b. Về ban hành danh mục HC, KS yêu cầu có mức dư lượng tối đa:
 - Căn cứ vào danh mục quy định mức dư lượng tối đa cho phép của CODEX, sau đó đến EU, Mỹ, Nhật Bản (vì đã có đánh giá nguy cơ). Đồng thời yêu cầu các cơ sở sản xuất khi muốn đăng ký sản xuất sản phẩm mới, phải có khảo nghiệm và đánh giá nguy cơ để đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất, phù hợp với điều kiện Việt Nam.
 - Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và PTNT cần thống nhất mức dư lượng nêu trong 2 danh mục: mức dư lượng tối đa cho phép trong thực phẩm (Bộ Y tế ban hành) và mức dư lượng tối đa cho phép trong sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng, chế biến (Bộ NN & PTNT ban hành).

4.2.2. Khuyến nghị đối với cơ quan thẩm quyền của Việt Nam

b. Về ban hành danh mục HC, KS yêu cầu có mức dư lượng tối đa (tt):

- Không gọi là Danh mục hóa chất, kháng sinh hạn chế sử dụng (như quy định của Bộ NN&PTNT), mà nên ban hành “Quy định mức dư lượng tối đa cho phép đối với hóa chất, kháng sinh” (đồng nhất với quy định của quốc tế và có tính khoa học)
- Việc lập danh mục hoá chất, kháng sinh có mức dư lượng tối đa cho phép của Việt Nam, phải căn cứ vào danh mục thuốc thú y, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường của Việt Nam, từ đó xem xét đánh giá nguy cơ đối với những hoá chất, kháng sinh nào đã được sử dụng để đưa vào danh mục cấm/ có quy định mức dư lượng tối đa

c. Khuyến nghị đối với Bộ NN & PTNT

- ✓ Định kỳ hàng quý cập nhật về danh mục hóa chất, kháng sinh cấm; danh mục hóa chất, kháng sinh có mức dư lượng tối đa cho phép của Codex, Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc. Các danh mục này được đăng tải lên website của Bộ NN&PTNT và các cơ quan trực thuộc (Cục Thú y, Tổng cục Thủy sản, NAFIQAD).
- ✓ Phân công quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi sản xuất và giao 01 đầu mỗi chịu trách nhiệm chính.

Ví dụ:

- Chịu trách nhiệm kiểm soát: Tổng cục thuộc Bộ (bao gồm cơ quan về thú y, bảo vệ thực vật, quản lý chất lượng)
- Chịu trách nhiệm thực hiện: Tổng cục thuộc Bộ (bao gồm cơ quan về chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản)
- ✓ Quy định và giao rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cập nhật, góp ý, phản biện,.. đối với các chỉ tiêu mới mà các nước/tổ chức lấy ý kiến; và nghiên cứu, đánh giá nguy cơ, bằng chứng khoa học đối với các chỉ tiêu muốn đưa vào danh mục hóa chất, kháng sinh cấm.

Liên hệ:

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)